

Số: 242 /TTr-UBND

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 11 năm 2019

### **TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do bố trí, sắp xếp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ đối với công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn và người hoạt động không chuyên trách là Phó trưởng công an xã, thị trấn dôi dư do bố trí Công an chính quy về xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 24/4/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; trong đó, quy định giảm số lượng cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Mặt khác, thực hiện Kết luận số 891-KL/TU ngày 19/9/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã, thị trấn; ngày 25/10/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4366/QĐ-UBND phê duyệt Đề án bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã, thị trấn; theo đó, từ nay đến năm 2025 sẽ bố trí Công an chính quy tại tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Để kịp thời khuyến khích, động viên cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do bố trí, sắp xếp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ và bố trí Công an xã, thị trấn chính quy (cán bộ, công chức cấp xã dôi dư là 2.495 người, người hoạt động không chuyên trách dôi dư là 15.073 người) thì việc ban hành chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do bố trí, sắp xếp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ đối với công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn và người hoạt động không chuyên trách là Phó trưởng công an xã, thị trấn dôi dư do bố trí Công an chính quy về xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của

Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Kết luận số 891-KL/TU ngày 19/9/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã, thị trấn; UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do bố trí, sắp xếp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ đối với công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn và người hoạt động không chuyên trách là Phó trưởng công an xã, thị trấn dôi dư do bố trí Công an chính quy về xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; cụ thể như sau:

## **I. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH**

### **1. Đối tượng hỗ trợ**

1.1. Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do bố trí, sắp xếp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn và người hoạt động không chuyên trách là Phó trưởng công an xã, thị trấn dôi dư do bố trí Công an chính quy về xã, thị trấn.

1.2. Không áp dụng chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 181/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh.

### **2. Mức hỗ trợ**

Đề xuất áp dụng mức hỗ trợ như đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định tại Nghị quyết số 181/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

2.1. Hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn:

Cán bộ, công chức cấp xã, công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn dôi dư, ngoài hưởng các chính sách theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ và các chính sách khác theo quy định của pháp luật thì được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi đối với:

Cán bộ, công chức cấp xã, công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn đủ 55 tuổi trở lên đối với nam, đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên.

Cán bộ, công chức cấp xã, công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn đủ 50 tuổi trở lên đối với nam, đủ 45 tuổi trở lên đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên.

Thời gian hỗ trợ được tính tròn theo nguyên tắc đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng được tính 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng được tính 01 năm.

b) Hỗ trợ một lần bằng 12 tháng tiền lương đối với các trường hợp thôi việc ngay.

c) Tiền lương tháng để tính hỗ trợ đối với các trường hợp về hưu trước tuổi và thôi việc ngay tính bằng tiền lương bình quân của 05 năm (60 tháng) cuối.

2.2. Hỗ trợ một lần đối với người hoạt động không chuyên trách, chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư như sau:

a) 03 tháng phụ cấp của chức danh trước khi nghỉ việc; trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ tính chức danh có mức phụ cấp cao nhất.

b) Theo thời gian công tác, cứ đủ 30 tháng công tác thì được hỗ trợ bằng 01 tháng phụ cấp của chức danh trước khi nghỉ việc.

Thời gian hỗ trợ tính tròn theo nguyên tắc dưới 16 tháng tính bằng 1/2 tháng phụ cấp; từ 16 tháng đến dưới 30 tháng tính bằng 01 tháng phụ cấp.

### **3. Thời gian thực hiện**

3.1. Đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do bố trí, sắp xếp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ:

Thời gian thực hiện chính sách: Từ ngày 01/01/2020 - 31/12/2022.

3.2. Đối với công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn và người hoạt động không chuyên trách là Phó Trưởng công an xã, thị trấn dôi dư do đưa Công an chính quy về xã, thị trấn:

Thời gian thực hiện chính sách: Từ ngày 01/01/2020 - 31/12/2025 (theo lộ trình bố trí Công an chính quy).

### **4. Kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện chính sách**

4.1. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện chính sách: 173 tỷ đồng; trong đó:

a) Kinh phí hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã: 93 tỷ đồng (dự kiến có 50% số người dôi dư nghỉ hưởng chính sách của tỉnh: 1.250 người x 75 triệu đồng/người).

b) Kinh phí hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách, chủ tịch hội đặc thù cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 80 tỷ đồng (dự kiến có 15.073 người đối dư: 15.073 người x 5.250.000 đồng/người).

4.2. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

## II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi chính sách được được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh sẽ ban hành quy định biện pháp thi hành và hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

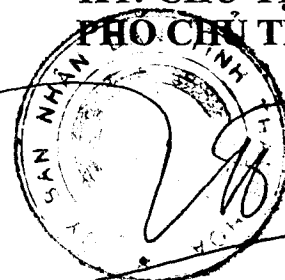
*(có dự thảo Nghị quyết gửi kèm).*

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính;
- Ban QL KKT Nghi Sơn và các KCN;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Thị Thìn**

Số: /2019/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày tháng 12 năm 2019

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do bố trí, sắp xếp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ đối với công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn và người hoạt động không chuyên trách là Phó trưởng công an xã, thị trấn dôi dư do bố trí Công an chính quy về xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày.... tháng.... năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do bố trí, sắp xếp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ đối với công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn và người hoạt động không chuyên trách là Phó trưởng công an xã, thị trấn dôi dư do bố trí Công an chính quy về xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số ...../BC-HĐND ngày.... tháng.... năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do bố trí, sắp xếp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ đối với công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn và người hoạt động không chuyên trách là Phó

trưởng công an xã, thị trấn đôi dư do bố trí Công an chính quy về xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; cụ thể như sau:

## **1. Đối tượng hỗ trợ**

1.1. Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đôi dư do bố trí, sắp xếp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn và người hoạt động không chuyên trách là Phó trưởng công an xã, thị trấn đôi dư do bố trí Công an chính quy về xã, thị trấn.

1.2. Không áp dụng chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã đôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 181/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

## **2. Mức hỗ trợ**

2.1. Hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn:

Cán bộ, công chức cấp xã, công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn đôi dư, ngoài hưởng các chính sách theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ và các chính sách khác theo quy định của pháp luật thì được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi đối với:

Cán bộ, công chức cấp xã, công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn đủ 55 tuổi trở lên đối với nam, đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên.

Cán bộ, công chức cấp xã, công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn đủ 50 tuổi trở lên đối với nam, đủ 45 tuổi trở lên đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên.

Thời gian hỗ trợ được tính tròn theo nguyên tắc đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng được tính 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng được tính 01 năm.

b) Hỗ trợ một lần bằng 12 tháng tiền lương đối với các trường hợp thôi việc ngay.

c) Tiền lương tháng để tính hỗ trợ đối với các trường hợp về hưu trước tuổi và thôi việc ngay tính bằng tiền lương bình quân của 05 năm (60 tháng) cuối.

2.2. Hỗ trợ một lần đối với người hoạt động không chuyên trách, chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đôi dư như sau:

a) 03 tháng phụ cấp của chức danh trước khi nghỉ việc; trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ tính chức danh có mức phụ cấp cao nhất.

b) Theo thời gian công tác, cứ đủ 30 tháng công tác thì được hỗ trợ bằng 01 tháng phụ cấp của chức danh trước khi nghỉ việc.

Thời gian hỗ trợ tính tròn theo nguyên tắc dưới 16 tháng tính bằng 1/2 tháng phụ cấp; từ 16 tháng đến dưới 30 tháng tính bằng 01 tháng phụ cấp.

### **3. Thời gian thực hiện**

3.1. Đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do bố trí, sắp xếp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ:

Thời gian thực hiện chính sách: Từ ngày 01/01/2020 - 31/12/2022.

3.2. Đối với công chức là Trưởng Công an xã, thị trấn và người hoạt động không chuyên trách là Phó Trưởng công an xã, thị trấn dôi dư do đưa Công an chính quy về xã, thị trấn:

Thời gian thực hiện chính sách: Từ ngày 01/01/2020 - 31/12/2025.

**4. Nguồn kinh phí thực hiện:** Từ nguồn ngân sách tỉnh.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, tổ chức triển khai thực hiện.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021, thông qua tại kỳ họp thứ 11 ngày.... tháng.... năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày... tháng.... năm 2019./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Chính phủ (để b/c);
- VPQH, VP Chủ tịch nước, VPCP (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Văn Chiến**



Ký bởi Sở Tư Pháp  
Giờ ký: 2019.11.28 15:45:48  
+07:00

UBND TỈNH THANH HÓA  
**SỞ TƯ PHÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 679/BCTĐ- STP

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 11 năm 2019

### **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

**Nghị quyết về việc ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, Chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đôi dư do bố trí, sắp xếp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; Chính sách hỗ trợ đối với công chức Trưởng công an xã, thị trấn và người hoạt động không chuyên trách là phó trưởng công an xã, thị trấn đôi dư do bố trí Công an chính quy về xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Kính gửi: Sở Nội vụ Thanh Hóa

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2305/SNV-XDCQ&CTTN ngày 20/11/2019 của Sở Nội vụ về việc đề nghị thẩm định các dự thảo Nghị quyết liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố. Sau khi nghiên cứu dự thảo văn bản, căn cứ các quy định của pháp luật, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

#### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Dự thảo văn bản đã xác định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng phù hợp với nội dung của văn bản.

#### **2. Về tính hợp pháp của văn bản**

##### **a) Về thẩm quyền:**

Theo Điểm đ Khoản 4 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn quyết định chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên. Căn cứ quy định, Sở Nội vụ xây dựng *Nghị quyết về việc ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, Chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đôi dư do bố trí, sắp xếp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; Chính sách hỗ trợ đối với công chức Trưởng công an xã, thị trấn và người hoạt động không chuyên trách là phó trưởng công an xã, thị trấn đôi dư do bố trí Công an chính quy về xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa* báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân quyết định là phù hợp và đúng thẩm quyền.

##### **b) Về căn cứ pháp lý:**



Đề nghị bỏ “*Căn cứ Kết luận số 891-KL/TU ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy...*”. Bởi theo quy định của pháp luật thì văn bản QPPL chỉ căn cứ vào văn bản QPPL.

**c) Về nội dung văn bản:**

- Tại Điều 1, khoản 1 về đối tượng hỗ trợ, điểm 1.1 lại quy định: “... ; **chính sách hỗ trợ đối với công chức Trường công an xã, thị trấn và người hoạt động không chuyên trách là...**”. Như vậy là không chính xác, đề nghị rà soát lại.

- Điều 1, khoản 1 điểm 1.2 quy định: “...**không thuộc đối tượng áp dụng quy định này**”. Đề nghị sửa lại là: “...**không thuộc đối tượng áp dụng văn bản này**” sẽ chính xác hơn.

- Điều 1 khoản 2 điểm 2.1 quy định: “**Cán bộ, công chức cấp xã, ... được hỗ trợ như sau:**”. Đề nghị rà soát lại đoạn này vì văn phong chưa đảm bảo.

- Về thời gian hỗ trợ quy định tại tiết a, điểm 2.1 khoản 2 Điều 1 dự thảo mới chỉ quy định đối với trường hợp đủ 03 tháng đến 06 tháng; từ 06 tháng đến dưới 01 năm mà chưa quy định đối với trường hợp dưới 03 tháng như vậy là thiếu trường hợp vì vậy đề nghị bổ sung.

- Tiết c điểm 2.1 khoản 2 Điều 1 ghi: “**Hỗ trợ một lần bằng 12 tháng tiền lương đối với trường hợp thôi việc này**”. Đề nghị xem xét lại bởi trường hợp nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ hưởng BHXH một lần đều là thôi việc ngay.

- Tiết c điểm 2.1 khoản 2 Điều 1 sử dụng cụm từ: “**Tiền lương bình quân của 05 năm (60 tháng) cuối**”. Đề nghị sửa lại là: “**bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của 05 năm (60 tháng) cuối trước khi nghỉ việc**” như vậy mới đầy đủ, chính xác.

- Điểm 2.2. khoản 2 Điều 1 quy định về hỗ trợ một lần đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã , ở thôn, tổ dân phố dôi dư. Tuy nhiên, nội dung hỗ trợ lại không rõ ràng, khó áp dụng trong thực tế. Đề nghị xem xét lại.

Ngoài ra dự thảo chưa quy định mức hỗ trợ cho đối tượng là Chủ tịch hội dân thủ cấp xã. Vì vậy đề nghị xem xét bổ sung

**d) Về thể thức và kỹ thuật trình bày:**

Dự thảo chưa đảm bảo yêu cầu về bố cục văn bản. Đề nghị xem xét lại.

**3. Đề xuất:**

Đề nghị Sở Nội vụ điều chỉnh lại nội dung dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp nêu trên trước khi báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: XDVB,VT.

